

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22-3-2022

V/v: Yêu cầu không công nhận
quan hệ là vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thúc và ông Nguyễn Văn Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Y Sơ Mi Niê Kdăm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 22/3/2022, tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2021 về “*Yêu cầu không công nhận quan hệ là vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/3/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị V, sinh năm 1979 – có mặt.

Địa chỉ: Số X, phường Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Đặng T, sinh năm 1976 – vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số Z, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị V trình bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đặng T chung sống với nhau như vợ chồng tại thôn M, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là tổ dân phố N, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk) từ năm 1999 đến năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời điểm năm 2003, hai người phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Do đó, bà đã đi nơi khác sinh sống từ đó đến nay, không còn liên hệ gì với ông T. Nay để đảm bảo cho cuộc sống mới, bà đề nghị giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà và ông T là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông T có 01 người con chung là anh Đặng Thành H, sinh năm 1999. Do con chung đã đủ tuổi thành niên nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đặng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Võ Thị V chung sống với nhau như vợ chồng tại thôn M, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là tổ dân phố N, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk) từ năm 1999 đến năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời điểm năm 2003, hai người phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Do đó, bà V đã đi nơi khác sinh sống từ đó đến nay, giữa bà V và ông không còn liên hệ gì với nhau. Nay bà V đề nghị giải quyết không công nhận quan hệ giữa ông và bà V là vợ chồng, ông đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông và bà V có 01 con chung là anh Đặng Thành H, sinh năm 1999. Do con chung đã đủ tuổi thành niên nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa bà Võ Thị V và ông Đặng T là vợ chồng; về con chung đã đủ tuổi thành niên nên không đặt ra xem xét giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 13/12/2021, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 17/12/2021 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 20/12/2021 nguyên đơn nộp tiền tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn “Không công nhận quan hệ là vợ chồng” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Đặng T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự*:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào năm 1999, bà Võ Thị V và ông Đặng T tự nguyện chung sống với nhau và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là hai người sống không hợp nhau. Bà V và ông T đã sống ly thân từ đầu năm 2003 đến nay. Kết quả xác minh tại địa phương về việc đăng ký kết hôn, tình trạng hôn nhân của bà V và ông T thì chính quyền địa phương xác định: Ủy ban nhân dân xã P, huyện K và Ủy ban nhân dân phường Đ, thị xã B đều xác nhận bà V và ông T không đăng ký kết hôn tại địa phương, về tình trạng hôn nhân bà V và ông T đã ly thân từ lâu.

Do đó, hôn nhân giữa bà Võ Thị V và ông Đặng T là không hợp pháp, không được nhà nước thừa nhận. Việc bà Võ Thị V yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà và ông Đặng T là vợ chồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và hướng dẫn tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn.

[4.2.1] Về con chung: Bà V và ông T có con chung là anh Đặng Thành H, sinh năm 1999. Do con chung đã đủ tuổi thành niên. Ông, bà không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[4.2.2] Về tài sản chung và nợ chung: Bà V và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144; Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Võ Thị V và ông Đặng T là vợ chồng.

2. Về con chung: Con chung của bà Võ Thị V và ông Đặng T là anh Đặng Thành H, sinh năm 1999 đã đủ tuổi thành niên, đồng thời bà Võ Thị V và ông Đặng T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà V và ông T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Võ Thị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008403 ngày 20/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Bà V đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Buôn Hồ;
- UBND phường Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Văn Khanh